

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT
NUÔI CUA XANH LỘT TRONG HỘP NHỰA TRONG NHÀ
BẰNG HỆ THỐNG NƯỚC LỢ - MẶN TUẦN HOÀN
TỪ NGUỒN GIỒNG CUA 1, CUA 2**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày tháng 3 năm 2026)

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1.1. Đối tượng nuôi: Cua xanh (*Scylla paramamosain*, Estampador, 1949)

- Phân bố

Cua Xanh phân bố ở vùng biển Ấn Độ, Tây Thái Bình Dương, biển Đỏ, Vịnh Rchard, Nam Phi, Đông và Tây Úc, biển Arafura, Đông Timor, Indonesia, biển Thái Bình Dương, Fiji, đảo Solomon, New Caledinia, Philippines, Okinawa Nhật Bản, Đài Loan, biển Nam Trung Hoa, Singapore, Malaysia, Campuchia, Việt Nam...

- Đặc điểm hình thái cấu tạo

Cua Xanh *S. paramamosain* cũng như các loài cua trong chi *Scylla* thường có kích thước lớn. Cua có thân hình dẹp theo hướng lưng bụng, toàn bộ cơ thể được bao bọc trong lớp vỏ kitin dày, có màu xanh lục hoặc vàng xám ... Cơ thể của cua được chia làm hai phần gồm phần đầu ngực và phần bụng.

- Vòng đời của Xanh

Vòng đời của Xanh có nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có những đặc điểm sinh học khác nhau. Theo Ariola, F.J., vòng đời của cua Xanh bao gồm các giai đoạn sau: Giai đoạn Zoea; giai đoạn Megalop; cua con phát triển đến cua trưởng thành và thành thực phải trải qua 16 - 18 lần lột xác.

- Đặc điểm dinh dưỡng

Dinh dưỡng của cua xanh thay đổi tùy theo giai đoạn phát triển. Giai đoạn ấu trùng thích ăn thực vật và động vật phù du; giai đoạn cua con chuyển dần sang ăn tạp như rong, giáp xác, nhuyễn thể, cá hay ngay cả xác chết động vật; cua con 2 - 7cm ăn chủ yếu là giáp xác; cua trưởng thành 7 - 13cm thích ăn nhuyễn thể và cua lớn hơn thường ăn cua nhỏ, cá ... Cua thường trú ẩn vào ban ngày và kiếm ăn vào ban đêm.

- Đặc điểm sinh thái

Cua Xanh sống thích nghi ở môi trường rừng đước ngập mặn, vùng cửa sông, đầm phá với chất đáy là bùn cát, bùn pha sét ... thích hợp cho việc đào hang, sống vùi dưới bùn nên có nơi người ta gọi cua Xanh là cua bùn. Cua Xanh có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi độ mặn của nước.

- Đặc điểm lột xác và sinh trưởng

Từ giai đoạn ấu trùng đến trưởng thành cua trải qua nhiều lần lột xác. Ở giai đoạn ấu trùng và giai đoạn cua bột, thời gian giữa các lần lột xác thường ngắn, từ 3

- 5 ngày. Ở cua giống và cua trưởng thành, thời gian giữa các lần lột xác dài hơn. Sau mỗi lần lột xác 2 - 3 giờ cua mới trở lại bình thường và 1 - 2 ngày sau vỏ mới cứng lại. Sau mỗi lần lột xác cua tăng trọng từ 40 - 80%.

- Đặc điểm sinh sản

+ *Hoạt động giao vĩ*

Cua Xanh *S. paramamosain* sinh trưởng và phát triển ở vùng cửa sông, rừng ngập mặn, nơi có độ mặn dao động từ 5 - 20 ‰. Khi cua trưởng thành đạt kích thước thành thực, chúng có xu hướng kết đàn di cư ra ven biển, vùng cửa sông nơi đó có độ mặn ổn định và cao hơn (khoảng 30 - 35‰) để giao vĩ và đẻ trứng.

+ *Sự đẻ trứng và thụ tinh*

Sau khi giao vĩ, cua cái không ngừng tích lũy chất dinh dưỡng thông qua quá trình đồng hoá nhờ lấy thức ăn và đồng thời trong cơ thể diễn ra hàng loạt các quá trình sinh hoá được thực hiện bên trong buồng trứng để tạo nên tế bào trứng từ những noãn bào còn non đến trạng thái thành thực. Sự thụ tinh có thể xảy ra bên trong cơ thể của cua mẹ.

1.2. Phạm vi áp dụng:

- Vùng nuôi nằm trong vùng quy hoạch phát triển NTTS của tỉnh Gia Lai.

- Vị trí địa lý phải được xác định rõ ràng, có hệ thống công trình nuôi đáp ứng theo yêu cầu của quy trình.

- Hệ thống nuôi cua lột trong hộp nhựa trong nhà phải đáp ứng theo hướng dẫn kỹ thuật nuôi thương phẩm cua xanh lột trong hộp nhựa trong nhà bằng hệ thống nước lợ mặn tuần hoàn.

II. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

- Vùng nuôi có thể chọn ở ven đô thị, tuy nhiên tốt nhất là vùng đầm ven biển, cao triều nơi có nguồn nước sạch không bị ô nhiễm do chất thải nông, công nghiệp và sinh hoạt.

- Chọn nơi giao thông thuận tiện, có điện lưới, đảm bảo an ninh.

- Bờ ao phải chắc chắn, không rò rỉ và cao hơn mực nước cao nhất ít nhất 0,5m. Phải có hệ thống rào chắn (lưới, đặng, hoặc xây tường thấp) để tránh cua bò ra ngoài và ngăn chặn vật chủ trung gian truyền bệnh từ ngoài vào.

III. KỸ THUẬT NUÔI CUA XANH THƯƠNG PHẨM TỪ CUA 1, 2

3.1. Chọn địa điểm ao nuôi

- Ao nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch phát triển NTTS, vị trí địa lý phải được xác định rõ ràng.

- Nên chọn nơi giao thông thuận tiện, có điện lưới, đảm bảo an ninh.

- Bờ ao chắc chắn, giữ được nước, có cống cấp và cống thoát nước. Chất đáy cát bùn, bùn cát.

- Ao nuôi nằm ở vùng cao triều hoặc trung triều, nơi có nguồn nước sạch không bị ô nhiễm do chất thải nông, công nghiệp và sinh hoạt.

- Ao có mức nước sâu từ 1,0 - 1,5m. Diện tích ao nuôi từ 2.000m² trở lên.

3.2. Chuẩn bị ao nuôi

3.2.1. Cải tạo ao

- Tháo cạn nước. Nếu cần, đào mương thoát ở giữa ao hoặc xung quanh ao sao cho dốc về phía cửa thoát để nước chảy ra dễ dàng.

- Phơi khô cho đến khi đất đáy ao nứt ra để thúc đẩy nhanh quá trình oxy hóa, giải phóng khí độc và khử các loài vi sinh vật không cần thiết.

- Vét bùn đáy và mang ra xa ao để phòng không chảy ngược lại ao khi có mưa lớn.

- Thau rửa ao bằng cách lấy nước vào đến độ sâu 30 cm, giữ trong 24 giờ rồi tháo ra.

- Gia cố công, làm đặng lưới chắn quanh công, phía trong ao. Tu sửa lại những nơi xung yếu, lấp hết những lỗ mọi để tránh thất thoát nước, thấm lậu.

- Ao có đặng chắn quanh bờ bằng lưới nylon loại thưa hoặc đặng tre,... nghiêng về phía trong ao một góc 60⁰, đặng phải cao từ 0,8 - 1m. Chôn sâu 20 - 30cm vào bờ ao.

- Phía trong ao, cách bờ 2 - 3m đào một kênh rộng 3 - 4m bao quanh ao. Trong ao nên bỏ chà cho cua ẩn nấp, cắm chà đều khắp ao, số lượng nhiều hơn ở khu vực gần bờ.

3.2.2. Bón vôi

- Sau khi cải tạo ao, tiến hành bón vôi nhằm tiêu diệt mầm bệnh. Tùy vào giá trị pH đất ở mỗi ao nuôi khác nhau mà ta tiến hành bón lượng vôi khác nhau:

Độ pH đất	Lượng vôi nông nghiệp (CaCO ₃) (Tấn/ha)	Lượng vôi tôi (Ca(OH) ₂) (Tấn/ha)
> 6	1,0	0,5
5 - 6	2,0	1,0
< 5	3,0	1,5

3.2.3. Gây màu nước

- Hai ngày sau khi cấp nước vào ao nuôi, gây màu nước bằng cách:

Cách 1: Bằng cám ủ (cám gạo, bột đậu nành, bột cá phối trộn theo tỷ lệ 2:2:1. Nấu chín, ủ trong 2 - 3 ngày).

+ Bước 1: Lúc 7 - 8h sáng: bón vôi đen Dolomite CaMg(CO₃)₂ hoặc vôi nông nghiệp CaCO₃ liều lượng 10 - 15 kg/1.000m³.

+ Bước 2: Lúc 10 - 12h trưa: bón cám ủ liều lượng 3 - 4 kg/1.000m³.

- Lặp lại 2 bước trên liên tục trong 3 - 5 ngày đến khi độ trong của nước đạt 30 - 40cm.

Cách 2: Bằng mật đường + cám gạo + bột đậu nành (tỷ lệ 3:1:3) ủ trong 12 giờ. Lúc 9 - 10 giờ sáng: bón mật đường + cám gạo + bột đậu nành đã qua ủ với liều lượng 2 - 3 kg/1.000m³ nước ao, tạt liên tục 3 ngày.

Các chỉ tiêu môi trường trước khi thả:

- Oxy hòa tan: > 4 ppm
- NH₃: < 0,1 ppm
- pH nước: 7,5 ÷ 8,5
- Độ trong: 30 ÷ 40cm
- Nhiệt độ: 28 - 32°C
- Độ mặn: 10 ÷ 25‰
- Độ sâu của nước: 1,0 ÷ 1,5m
- Màu nước: xanh lá cây pha nâu.

3.3. Chọn và thả giống

3.3.1. Chọn giống

- Cua giống có kích thước đồng đều, linh hoạt không bệnh tật, dị hình; màu sắc tươi sáng, đầy đủ các phần phụ và khỏe mạnh.
- Cua bột 1, 2 có chiều rộng mai từ 0,5 - 0,7cm.

3.3.2. Thả giống

- Mật độ thả: 2 con/m².
- Trước khi thả giống cần so sánh các yếu tố môi trường (pH, độ mặn, độ kiềm,...) giữa trại giống và ao nuôi để khi thả giống ta thực hiện điều chỉnh môi trường, tránh gây sốc cho cua.
- Thả cua ở nhiều điểm trong ao để cua tự bò xuống. Những con yếu thường nằm tại chỗ hoặc bò chậm, ta thu lại cho vào giai để theo dõi, nếu phục hồi thì thả xuống.

- Nên thả cua vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát. Chọn đầu hướng gió để thả.

3.4. Chăm sóc và quản lý

3.4.1. Thức ăn và cách cho ăn

- Thức ăn cho cua trong 07 ngày đầu:
 - + Thành phần: cá tạp: 80%, tôm: 15%, dầu mực: 1%, trứng gà: 3%, khoáng vi lượng: 1%.
 - + Tất cả các nguyên liệu được trộn đều và xay mịn sau đó hấp cách thủy. Thức ăn được cà qua mắt lưới phù hợp rồi tạt đều xung quanh ao.

+ Ngày cho ăn 4 lần vào các thời điểm: 8h, 11h, 17h và 22h. Lượng thức ăn chiếm từ 6 - 8% trọng lượng đàn cua.

- Từ ngày thứ 08 đến ngày thứ 15:

+ Thành phần: cá tạp: 95%, dầu mực: 1%, trứng gà: 3%, khoáng vi lượng: 1% được hấp chín rồi chà qua mắt lưới phù hợp để làm thức ăn cho cua.

+ Ngày cho ăn 4 lần vào các thời điểm: 8h, 11h, 17h và 22h. Lượng thức ăn chiếm từ 6 - 8% trọng lượng đàn cua.

- Sau ngày thứ 15:

+ Cua đạt kích cỡ 1,5 - 2cm, cho cua ăn bằng thức ăn tươi sống như cá tạp, nhuyễn thể hai mảnh vỏ băm nhỏ, ... được hấp chín.

+ Lượng thức ăn hàng ngày chiếm 4 - 6% trọng lượng đàn cua.

Bảng 3.1. Lượng thức ăn hàng ngày cho 10.000 cua giống

Tuần	Tổng lượng thức ăn trong ngày (kg)
1	0,6 - 0,7
2	0,8
3	1,1
4	1,5 - 1,8

- Sau 30 ngày:

+ Cua đạt trọng lượng 5 - 7g, chiều rộng của mai từ 2,5 - 3,5 cm. Tỷ lệ sống đạt từ 70 - 75%.

+ Thức ăn chủ yếu là: cá vụn, ốc, đầu cá, ... được hấp chín. Cho cua ăn 2 lần/ngày vào lúc sáng sớm và chiều tối, lượng thức ăn được gấp đôi vào buổi chiều tối. Thức ăn được rải đều quanh ao để cua khỏi tranh nhau.

+ Lượng thức ăn hàng ngày chiếm 4 - 6% trọng lượng đàn cua.

+ Thường xuyên kiểm tra khả năng bắt mồi của cua để có chế độ tăng giảm hợp lý. Nên dùng nhá (sàng) để kiểm tra thức ăn sau khi cho ăn khoảng 2 - 3 giờ (điều tiết lượng thức ăn sau mỗi ngày).

- Tránh tình trạng cua bị thiếu thức ăn, cua đói sẽ tranh ăn và cua lớn sẽ ăn thịt cua bé, gây hao hụt. Vì vậy, cần dự trữ thức ăn khô (cá khô), những ngày không có thức ăn tươi có thể dùng thức ăn khô. Trước khi cho ăn nên ngâm vào nước 20 phút cho cá khô mềm ra rồi mới cho cua ăn.

- Định kỳ thu mẫu (10 - 15 ngày/lần), tính sản lượng cua trong ao để có căn cứ điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp.

Bảng 3.2. Lượng thức ăn hàng ngày cho 10.000 con giống sau 30 ngày nuôi

Tuần nuôi	Lượng thức ăn/ngày (kg)
1	3,2 - 4,8
2	4,8 - 6,4
3	8,0 - 9,6
4	11,2 - 12,8
5	12,8 - 14,4
6	16,0 - 17,6
7	17,6 - 19,2
8	20,8 - 22,4
9	24,0 - 25,6
10	27,2 - 28,8
11	28,8 - 32,0
12	32,0 - 35,2
13	36,8 - 40,0
14	40,0 - 48,0
15	48,0 - 56,0
16	56,0 - 64,0

3.4.2. Quản lý ao nuôi

Quản lý môi trường

- Duy trì độ sâu mực nước ao nuôi trên 1m, lý tưởng nhất là 1,5m; màu nước nên có màu xanh lá cây pha nâu, nâu vàng hoặc xanh; pH nên duy trì trong khoảng 7,5 - 7,8 là tốt nhất.

- Mỗi ngày thay nước từ 20 - 30% lượng nước trong ao. Một tuần nên thay toàn bộ nước trong ao một lần. Nước trong sạch kích thích của hoạt động, ăn nhiều, lột xác tốt.

- Tiến hành thay nước khi các chỉ tiêu môi trường bất lợi cho sinh trưởng của nuôi. Có thể thay nước từ 50% đến 100%.

Theo dõi tăng trưởng

- Định kỳ 2 tuần/lần bắt cua cân, đo để theo dõi tốc độ sinh trưởng của cua và tình trạng của cua. Nếu phát hiện có dấu hiệu bệnh thì cần tìm rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thời gian cuối vụ nuôi, lúc cua lớn sắp thu hoạch, khối lượng cua trong ao tăng lên, lượng thức ăn cho vào ao nhiều hơn nên ao nuôi rất dễ ô nhiễm. Việc thay nước thường xuyên, kiểm tra môi trường rất có ý nghĩa. Trong trường hợp thức ăn quá dư thừa chúng ta phải cào bỏ lượng bùn trên mặt và thức ăn thừa đi. Sau đó thay nước toàn bộ nhiều lần.

Công tác bảo vệ chống thất thoát

- Thường xuyên kiểm tra ao, kiểm tra tình trạng bờ, cống, rào chắn tránh thất thoát cua.

- Khi cua nuôi được 3 - 4 tháng thì cua hay bò ra khỏi ao. Thông thường cua bò ra khỏi ao là do một trong các nguyên nhân sau đây: mật độ cua quá dày, cua thiếu thức ăn, thời tiết thay đổi.

- Thường xuyên kiểm tra, loại bỏ cua chết ra khỏi ao nuôi.

3.5. PHÒNG BỆNH VÀ DỊCH HẠI

Phòng bệnh

- Thả cua với mật độ phù hợp.

- Quản lý tốt môi trường ao nuôi giúp cho cua phát triển nhanh và khỏe mạnh.

- Cho cua ăn vừa đủ, tránh tình trạng thức ăn thừa gây ô nhiễm môi trường ao nuôi.

- Không cho cua ăn thức ăn tươi sống vì dễ đưa mầm bệnh vào ao nuôi qua con đường thức ăn.

Phòng dịch hại

- Làm rào chắn xung quanh ao nuôi thật kỹ, tránh các dịch hại xâm nhập ăn cua lúc cua lột.

3.6. THU HOẠCH

Sau 4 tháng nuôi, cua phải đạt 200g/con trở lên, cua chắc thịt hoặc đã đầy gạch (cua cái) thì ta tiến hành thu tỉa bằng rập cho vào hộp nhựa làm cua lột.

IV. KỸ THUẬT NUÔI THƯƠNG PHẨM CUA XANH LỘT TRONG HỘP NHỰA TRONG NHÀ BẰNG HỆ THỐNG NƯỚC LỢ - MẶN TUẦN HOÀN

4.1. Chọn địa điểm

- Vùng nuôi có thể chọn ở ven đô thị, tuy nhiên tốt nhất là vùng đầm ven biển, cao triều nơi có nguồn nước sạch không bị ô nhiễm do chất thải nông, công nghiệp và sinh hoạt.

- Chọn nơi giao thông thuận tiện, có điện lưới, đảm bảo an ninh.

4.2. Hệ thống nuôi: Hệ thống nuôi cua trong nhà bao gồm:

- Hệ thống hộp nuôi cua bằng nhựa đặt kề cạnh nhau khoảng 12 hàng và được xếp chồng lên nhau khoảng 10 - 12 tầng. Với quy mô 800 hộp cua, cần diện tích mặt bằng từ 50 - 60m². Hộp nhựa có kích thước 26 x 32 x 30cm.

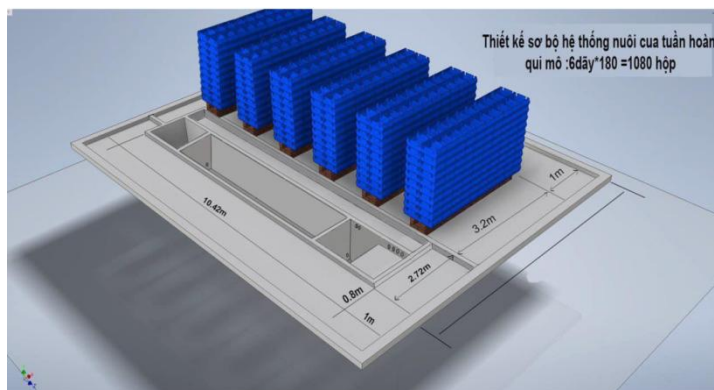
- Thiết bị lọc cơ học để loại bỏ chất thải rắn, thức ăn dư thừa, bùn cặn.

- Ngăn lọc sinh học với các giá thể lọc sinh học là hạt nhựa Kaldnes.

- Thiết bị diệt khuẩn bằng đèn UV, nhằm khống chế sự phát triển của các loại vi khuẩn cũng như mầm bệnh trong hệ thống nuôi tuần hoàn.

- Vào mùa đông nhiệt độ nước xuống thấp cần sử dụng Heater để nâng nhiệt độ nước lên $\geq 25^{\circ}\text{C}$.

- Máy phát điện dự phòng.



Hình: Sơ đồ bố trí hệ thống nuôi cua lột bằng hộp nhựa tuần hoàn nước

- Chu trình hoạt động của hệ thống nuôi cua như sau: Nước thải từ mỗi hộp nuôi cua sẽ được gom chung về một ống dẫn để đưa về thiết bị lọc cơ học, tại đây, các chất thải không hòa tan được giữ lại bằng túi lọc và tấm lọc Jmat và loại bỏ ra bên ngoài. Tiếp theo nước thải sẽ chảy qua ngăn lọc sinh học để loại bỏ nitơ hòa tan còn trong nước thải qua hoạt động chuyên hóa bởi các dòng vi khuẩn *Nitrosomonas sp* và *Nitrobacter sp*, ... sống trên bề mặt các hạt nhựa Kaldnes. Sau đó, nước chảy qua hệ thống đèn UV để diệt các mầm bệnh. Nước đã qua xử lý được cung cấp cho hệ thống hộp nuôi nhờ máy bơm (công suất 10 m³/h). Vòng tuần hoàn nước cứ thế diễn ra liên tục trong suốt quá trình nuôi cua.

Bảng 4.1. Các thông số môi trường nước thích hợp nuôi cua

STT	Thông số	Giá thích hợp
1	Nhiệt độ (°C)	25 - 35
2	pH	7,5 - 8,5
4	Độ kiềm (mg CaCO ₃ /L)	≥ 80
5	Độ mặn (‰)	10 - 30

4.3. Chọn giống và thả giống

- Nên chọn mua cua làm giống ở các cơ sở uy tín gần vị trí nuôi, đảm bảo chất lượng.

- Cua khỏe mạnh, đầy đủ các bộ phận phụ, khối lượng thân ≥ 200g.

- Cua mua về làm giống cần nuôi dưỡng cách ly trong thời gian 3 - 5 ngày trước khi chuyển vào hệ thống nuôi lột.

- Mật độ nuôi: 01 con/hộp.

4.4. Chăm sóc và quản lý

4.4.1. Thức ăn và cách cho ăn

- Chất lượng thịt cua thương phẩm phụ thuộc vào thành phần dinh dưỡng trong thức ăn, chất lượng môi trường sống, nên thức ăn cho cua phải tươi như: Ngao, tôm, ốc, hến, cá, ...

- Thức ăn được cắt nhỏ, phải thả vào từng hộp cho cua ăn, nên thay đổi loại thức ăn hàng ngày.

- Mỗi ngày cho cua ăn 2 lần (sáng và chiều tối), lần cho ăn chính là chiều tối. Khối lượng thức ăn cho ăn từ 5 - 10%/trọng lượng thân/ngày.

4.4.2. Quản lý và chăm sóc

- Hộp nuôi cua được xếp thành nhiều hàng và tầng khác nhau, đánh số thứ tự ở vỏ hộp và ghi chép hằng ngày về hiệu quả chăm sóc.

- Định kỳ 15 ngày sẽ bổ sung chất khoáng, canxi hoặc ngâm nước vôi và lọc trước khi cho vào các hộp nuôi.

- Kiểm tra chất lượng nước hàng ngày nhằm điều chỉnh môi trường nước phù hợp để cua phát triển. Hàng ngày kiểm tra quá trình lột vỏ của cua để thu hoạch. Thời gian cua bắt đầu đến khi lột xong khoảng 35 - 45 giờ.

- Hàng ngày kiểm tra tình trạng sức khỏe của cua để có giải pháp xử lý kịp thời.

4.5. Phòng bệnh

- Chọn cua giống phải khỏe mạnh, đầy đủ các bộ phận phụ.

- Thức ăn sử dụng phải tươi, không bị ương thối.

- Thường xuyên kiểm tra các thông số môi trường nguồn nước cấp.

- Vận hành hệ thống lọc tuần hoàn và hệ thống đèn UV đảm bảo hoạt động 24/24h.

4.6. Thu hoạch

- Tùy thuộc nhu cầu thị trường mà chúng ta thu hoạch cua ở các dạng: Cua cốm (cua 2 da), cua lột, tránh làm gãy càng gãy chân, làm giảm giá trị của cua.

- Trọng lượng trong quá trình nuôi có thể tăng 30 - 40%. Khối lượng cua thu hoạch $\geq 250g$.

Định mức kinh tế - kỹ thuật nuôi cua thịt trong ao

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Kích cỡ giống	cm	0,5 - 0,7
2	Mật độ	con/m ²	2
3	Tỷ lệ sống	%	≥ 40
4	Kích cỡ	g/con	≥ 200
5	Năng suất	tấn/ha	$\geq 1,6$
6	Hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR)		5
7	Thời gian nuôi	tháng	4

Định mức kinh tế - kỹ thuật nuôi cua lột trong hộp nhựa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Khối lượng ban đầu	g	≥ 200
2	Mật độ	con/hộp	01
3	Tỷ lệ sống giai đoạn nuôi lột	%	≥ 90
4	Khối lượng cua lột khi thu hoạch	g	≥ 250
5	Hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR)		05
6	Thời gian nuôi	tháng	02

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 4855 /QĐ-SNN ngày 29/12/2016 của Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) về việc ban hành quy trình kỹ thuật Quy trình kỹ thuật nuôi cua xanh (*Scylla paramamosain*, Estampador, 1949) thương phẩm từ cua 1, cua 2 ...
2. Kỹ thuật nuôi cua biển thương phẩm: nuôi cua ộp thành cua chắc. Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ. Tài liệu đào tạo từ xa./.